



# **HAGL Group**

## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý III năm 2017



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 54



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại - thuyết minh số 30)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.938.021.572</b>	<b>9.169.689.773</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>219.902.564</b>	<b>794.326.175</b>
111	1. Tiền	4	219.902.564	794.326.175
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.463.055.813</b>	<b>6.711.353.686</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.832.152.787	1.771.473.430
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	650.646.104	1.308.328.374
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.149.083.782	2.017.828.375
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	859.317.661	1.642.846.329
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(28.144.521)	(29.122.822)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.181.278.161</b>	<b>1.613.111.552</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.195.794.863	1.798.236.495
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.516.702)	(185.124.943)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>73.785.034</b>	<b>50.898.360</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		40.189.678	13.002.488
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		31.774.784	26.836.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.820.572	11.059.171
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>44.872.331.894</b>	<b>43.113.443.823</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.116.187.506</b>	<b>6.383.631.255</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	8.383.928.516	5.717.370.743
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	732.258.990	666.260.512
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>9.625.994.830</b>	<b>9.771.995.127</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.337.888.112	8.441.226.254
222	Nguyên giá		9.644.075.148	9.883.440.790
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.306.187.036)	(1.442.214.536)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.288.106.718	1.330.768.873
228	Nguyên giá		1.386.260.333	1.407.467.825
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(98.153.615)	(76.698.952)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>3.334.207.524</b>	<b>3.531.871.849</b>
231	1. Nguyên giá		3.439.405.700	3.589.933.330
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(105.198.176)	(58.061.481)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>18.180.948.270</b>	<b>17.993.738.827</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	18.180.948.270	17.993.738.827
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>881.993.140</b>	<b>877.887.933</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	871.465.237	865.766.030
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	10.507.903	12.101.903
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.733.000.624</b>	<b>4.554.318.832</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	1.063.319.502	1.422.291.005
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	92.703.267	91.119.227
269	3. Lợi thế thương mại		2.576.977.855	3.040.908.600
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>52.810.353.466</b>	<b>52.283.133.596</b>





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại - thuyết minh số 30)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.670.188.220</b>	<b>36.400.541.825</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.443.382.451</b>	<b>13.138.489.727</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.114.957.339	1.420.669.960
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	3.590.471.674	3.609.299.208
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	156.098.525	195.651.423
314	4. Phải trả người lao động		113.082.254	72.595.103
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	434.020.453	844.711.426
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.926.119	6.760.210
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	3.230.580.563	1.267.280.641
320	8. Vay ngắn hạn	22	2.795.759.633	5.717.296.133
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		485.891	4.225.623
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>23.226.805.769</b>	<b>23.262.052.098</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	918.281.298	4.222.541
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	1.346.897.322	979.252.302
338	3. Vay dài hạn	22	20.364.462.753	21.619.446.267
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	245.180.347	375.435.102
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		351.984.049	283.695.886
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23</b>	<b>18.140.165.246</b>	<b>15.882.591.771</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>18.140.165.246</b>	<b>15.882.591.771</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		9.274.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		184.152.845	623.942.651
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.396.850.360	915.758.015
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		615.515.688	2.527.805.613
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		781.334.672	(1.612.047.598)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.741.415.124	2.624.924.188
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>52.810.353.466</b>	<b>52.283.133.596</b>

Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Ngày 28 tháng 10 năm 2017

Dương Hoàng Bắc  
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.521.723.529	1.254.107.155	3.998.263.702	4.912.649.072
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(11.855)	(387.084)	(11.855)	(1.283.978)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.521.711.674	1.253.720.071	3.998.251.847	4.911.365.094
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(1.105.132.789)	(1.068.082.550)	(2.733.934.243)	(4.147.081.185)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		416.578.885	185.637.521	1.264.317.604	764.283.909
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	294.502.161	240.298.933	1.609.069.930	811.003.482
22	7. Chi phí tài chính	26	(331.354.541)	(405.159.143)	(1.110.776.582)	(1.293.567.933)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(325.774.254)	(377.543.211)	(1.064.740.945)	(1.175.020.595)
24	8. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết		5.075.089	(3.671.293)	5.699.207	(14.374.462)
25	9. Chi phí bán hàng	27	(32.694.527)	(35.712.941)	(95.744.708)	(126.578.504)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(175.506.568)	(91.989.088)	(491.931.106)	(457.971.559)
30	11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		176.600.499	(110.596.011)	1.180.634.345	(317.205.067)
31	12. Thu nhập khác	28	125.750.906	52.927.424	214.271.373	59.053.254
32	13. Chi phí khác	28	(132.427.645)	(11.833.905)	(202.815.873)	(929.810.632)
40	14. Lãi (lỗ) khác	28	(6.676.739)	41.093.519	11.455.500	(870.757.378)



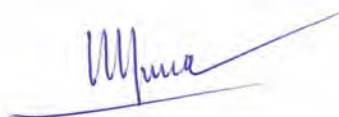
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		169.923.760	(69.502.492)	1.192.089.845	(1.187.962.445)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	69.897	(9.010.996)	(39.952.796)	(26.726.403)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.2	(11.974.561)	1.494.755	24.714.809	(53.559.439)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		158.019.096	(77.018.733)	1.176.851.858	(1.268.248.287)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		103.713.005	(33.927.461)	781.334.672	(896.021.647)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		54.306.091	(43.091.272)	395.517.186	(372.226.640)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)		108	(43)	920	(1.134)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)		108	(43)	920	(1.134)



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập  
Ngày 28 tháng 10 năm 2017



Dương Hoàng Bắc  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>1.192.089.845</b>	<b>(1.187.962.445)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	10, 11, 12	695.348.744	442.251.949
03	Các khoản dự phòng		(119.374.006)	99.471.948
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(53.835.429)	36.632.678
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.608.893.051)	(456.332.188)
06	Chi phí lãi vay	26	1.064.740.945	1.175.020.595
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.170.077.048</b>	<b>109.082.537</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		368.893.952	(429.332.474)
10	Giảm hàng tồn kho		(209.801.440)	1.368.225.492
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		600.675.799	1.420.349.751
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		(317.383.025)	56.038.706
14	Tiền lãi vay đã trả		(828.145.883)	(642.697.952)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.1	(2.535.530)	(21.597.789)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.739.732)	(3.116.708)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>778.041.189</b>	<b>1.856.951.563</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.219.136.197)	(2.750.222.522)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		454.507.274	1.151.463.446
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(4.724.218.159)	(2.759.883.596)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.919.224.603	1.866.428.708
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.436.127.761)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.517.120.583	295.105.080
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		993.045.549	792.838.105
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.059.456.347)</b>	<b>(2.840.398.540)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, cổ đông không kiểm soát góp vốn		2.450.000	2.792.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát		-	(313.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		2.312.814.580	5.053.174.255
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.608.273.033)	(6.627.217.913)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(293.008.453)	904.956.342
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(574.423.611)	(78.490.635)
60	Tiền đầu năm	4	794.326.175	967.966.695
70	Tiền cuối kỳ	4	219.902.564	889.476.060



*Handwritten signature of Nguyễn Văn Tiên*

Nguyễn Văn Tiên  
 Người lập

Ngày 28 tháng 10 năm 2017

*Handwritten signature of Dương Hoàng Bắc*

Dương Hoàng Bắc  
 Kế toán trưởng



Võ Thị Hương Sơn  
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2017

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi chín (29) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi chín (29) vào ngày 4 tháng 8 năm 2017 phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 9.274.679.470 ngàn VNĐ.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây ăn quả khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, đường Trường Chinh, phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn Đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký Chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2017 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con được lập cho Quý III năm 2017.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

*Vườn cây cao su và tiêu*

Ban giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và vườn tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

*Vườn cọ dầu*

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu từ 4,5 năm lên 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Tập đoàn tại Campuchia và Lào.

*Khấu hao các vườn cây*

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây Thanh Long và Tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây Thanh long và Tiêu theo chu kỳ khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)*

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây Cao su	Vườn cây Thanh long	Vườn cây Tiêu
Năm thứ 1	2,50	1,0	4,6
Năm thứ 2	2,80	3,4	8,5
Năm thứ 3	3,50	5,0	8,5
Năm thứ 4	4,40	6,7	8,5
Năm thứ 5	4,80	8,4	8,5
Năm thứ 6	5,40	8,4	8,5
Năm thứ 7	5,40	8,4	6,2
Năm thứ 8	5,10	8,4	6,2
Năm thứ 9	5,10	8,4	6,2
Năm thứ 10	5,00	8,4	3,8
Năm thứ 11	7,00	6,7	3,8
Năm thứ 12	6,60	6,7	3,8
Năm thứ 13	6,20	6,7	3,8
Năm thứ 14	5,90	6,7	3,8
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,8
Năm thứ 16	5,40	-	3,8
Năm thứ 17	5,00	-	3,8
Năm thứ 18	5,50	-	Giá trị còn lại
Năm thứ 19	5,20	-	-
Năm thứ 20	Giá trị còn lại	-	-





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn quả như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

*Dự án bò*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

*Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar*

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu Khách sạn, Trung tâm thương mại, Tòa nhà văn phòng và Căn hộ cho thuê trị giá 440 triệu USD tại Myanmar (diện tích đất 73.358m<sup>2</sup>). Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 2 năm 2013.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)**

*Công trình thủy điện*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ và chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo, quảng cáo) và công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, bắp, cây ăn quả, chi phí khai hoang trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

**3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hằng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị khoản đầu tư và không thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này cho đến khi công ty liên kết trở thành công ty con. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư vào đơn vị khác*

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Các khoản dự phòng**

*Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có) và điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân kỳ;
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

**3.18 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.19 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Doanh thu bán căn hộ*

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (dựa trên tỷ suất sinh lợi của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư*

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thoả thuận hợp đồng.

**3.21 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.22 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia ra thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

**3.23 Dự phòng**

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.24 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Tiền gửi ngân hàng	198.219.631	769.681.690
Tiền mặt tại quỹ	21.682.933	24.644.485
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219.902.564</b>	<b>794.326.175</b>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.072.908.607	800.918.612
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	726.567.763	835.909.054
Phải thu về thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	20.658.872	116.853.085
Phải thu tiền bán căn hộ	12.017.545	17.792.679
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.832.152.787</b>	<b>1.771.473.430</b>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 169.837.501 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	593.250.623	1.085.474.890
Trả trước cho nhà thầu các công trình xây dựng của Tập đoàn và mua máy móc, thiết bị	54.161.502	217.804.106
Trả trước cho thầu phụ hai dự án sân bay ở Lào	3.233.979	3.214.912
Trả trước cho việc mua đất và các dự án bất động sản	-	1.834.466
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>650.646.104</b>	<b>1.308.328.374</b>

Trả trước người bán bao gồm các khoản trả trước cho các bên liên quan là 457.700.429 ngàn VND tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 (Thuyết minh số 30).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 09 - năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.005.944.509	1.976.619.350
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	2.143.139.273	41.209.025
	<b>3.149.083.782</b>	<b>2.017.828.375</b>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30) (i)	7.877.327.225	5.187.885.336
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	336.787.754	359.484.809
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	169.813.537	170.000.598
	<b>8.383.928.516</b>	<b>5.717.370.743</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.533.012.298</b>	<b>7.735.199.118</b>

- (i) Đây là khoản Công ty và các công ty con của Công ty cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 1"), hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK ngày 8 tháng 8 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), hợp đồng vay số 01/15/HA-AP ngày 7 tháng 4 năm 2015 ("Hợp đồng 3"), hợp đồng vay số 01/2016/HĐV-NNQT-AP ngày 27 tháng 5 năm 2016 ("Hợp đồng 4"), Hợp đồng vay số 3008/HĐVCSTN-BĐSAP ngày 20 tháng 8 năm 2016 ("Hợp đồng 5") và Hợp đồng vay số 01/2016HĐVCSTN-BĐSAP ngày 30 tháng 12 năm 2016 ("Hợp đồng 6") chi tiết như sau:

Hợp đồng 1 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VND và có lãi suất trong kỳ là 8%/năm (2016: 8%/năm).

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND và có lãi suất trong kỳ là 15%/năm (2016: 12%/năm).

Hợp đồng 3 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 700 tỷ VND không lãi suất.

Hợp đồng 4 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND có lãi suất trong kỳ là 14%/năm (2016: 11,5%/năm).

Hợp đồng 5 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 283 tỷ VND có lãi suất trong kỳ là 8%/năm (2016: 6%/năm).

Hợp đồng 6 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 287 tỷ VND có lãi suất trong kỳ là 10%/năm (2016: 9,5%/năm).

- (ii) Cho vay các bên khác thể hiện khoản cho vay các tổ chức và cá nhân khác với thời hạn đáo hạn từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 9 năm 2021 và lãi suất trung bình từ 6%/năm đến 13%/năm.

- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

	Đơn vị: Đô la Mỹ	
	09 tháng năm 2017	09 tháng năm 2016
Số đầu kỳ (USD)	7.482.421	7.482.421
Số cuối kỳ (USD)	<b>7.482.421</b>	<b>7.482.421</b>
Số cuối kỳ (Ngàn VND)	<b>169.813.537</b>	<b>170.000.598</b>

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị: Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân khác	209.500.621	1.284.148.506
Phải thu nhân viên	88.656.043	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	39.038.527	44.289.460
Các khoản khác	522.122.470	314.408.363
	<b>859.317.661</b>	<b>1.642.846.329</b>
<b>Dài hạn</b>		
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân khác	582.735.917	114.328.180
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	125.750.981	132.347.166
Ký quỹ, ký cược dài hạn	13.401.872	20.931.632
Cho mượn các công ty	10.370.220	397.983.108
Phải thu dài hạn khác	-	670.426
	<b>732.258.990</b>	<b>666.260.512</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.591.576.651</b>	<b>2.309.106.841</b>

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn các bên liên quan là 257.974.052 ngàn VND và các khoản phải thu dài hạn các bên liên quan là 691.710.596 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị: Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	108.978.654	134.333.625
Thành phẩm	19.430.467	135.842.633
Hàng hóa	67.989.070	9.573.753
Hàng gửi đi bán	13.723	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	834.113.642	1.257.917.720
<i>Trong đó:</i>		
Hợp đồng xây dựng	584.848.400	601.329.775
Chi phí nuôi bò	146.003.163	419.894.535
Sản xuất	101.927.045	235.904.225
Dịch vụ cung cấp	1.335.034	789.185
Vật liệu xây dựng	24.345.695	15.206.574
Nguyên vật liệu	129.844.545	175.173.958
Công cụ, dụng cụ	11.079.067	70.188.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.195.794.863</b>	<b>1.798.236.495</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.516.702)	(185.124.943)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>1.181.278.161</b>	<b>1.613.111.552</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	3.307.878.514	2.103.581.628	1.804.921.508	8.227.943	2.609.787.138	49.044.059	9.883.440.790
Tăng trong kỳ	201.048.123	82.378.375	97.512.478	147.782	2.002.199.195	416.001	2.383.701.954
<i>Mua sắm mới</i>	41.039.226	64.134.241	43.091.477	147.782	62.598.248	416.001	211.426.975
<i>Xây dựng mới</i>	160.008.897	18.244.134	54.421.001	-	1.939.600.947	-	2.172.274.979
Giảm trong kỳ	(875.057.930)	(1.203.736.728)	(214.782.478)	(199.977)	(323.421.003)	(5.869.480)	(2.623.067.596)
<i>Thanh lý</i>	(8.824.729)	(26.536.449)	(4.686.791)	6.872	(298.867.003)	-	(338.908.100)
<i>Thanh lý công ty con</i>	(835.493.561)	(1.158.899.587)	(194.728.490)	(205.801)	-	(5.581.418)	(2.194.908.857)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(16.625.451)	(25.815.617)	(24.711.757)	(1.048)	(21.958.789)	(137.977)	(89.250.639)
<i>Phân loại lại</i>	(14.114.189)	7.514.925	9.344.560	-	(2.595.211)	(150.085)	-
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017	2.633.868.707	982.223.275	1.687.651.508	8.175.748	4.288.565.330	43.590.580	9.644.075.148
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	(374.391.440)	(477.143.656)	(317.962.158)	(5.395.881)	(247.134.720)	(20.186.681)	(1.442.214.536)
Tăng trong kỳ	(108.024.096)	(104.854.086)	(114.288.032)	(608.192)	(131.980.882)	(4.385.165)	(464.140.453)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(108.024.096)	(104.854.086)	(114.288.032)	(608.192)	(131.980.882)	(4.385.165)	(464.140.453)
Giảm trong kỳ	165.604.577	298.522.689	59.649.361	186.936	74.728.531	1.475.859	600.167.953
<i>Thanh lý</i>	1.603.259	947.914	2.635.058	-	74.490.901	-	79.677.132
<i>Thanh lý công ty con</i>	142.383.071	309.106.098	55.689.831	178.285	-	1.433.653	508.790.938
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	2.570.815	4.024.818	2.608.017	8.651	2.445.376	42.206	11.699.883
<i>Phân loại lại</i>	19.047.432	(15.556.141)	(1.283.545)	-	(2.207.746)	-	-
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017	(316.810.959)	(283.475.053)	(372.600.829)	(5.817.137)	(304.387.071)	(23.095.987)	(1.306.187.036)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	2.933.487.074	1.626.437.972	1.486.959.350	2.832.062	2.362.652.418	28.857.378	8.441.226.254
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017	2.317.057.748	698.748.222	1.315.050.679	2.358.611	3.984.178.259	20.494.593	8.337.888.112



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	1.273.182.644	134.285.181	1.407.467.825
Giảm trong kỳ	(20.853.292)	(354.200)	(21.207.492)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(14.493.458)	(354.200)	(14.847.658)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(1.359.834)	-	(1.359.834)
<i>Phân loại lại</i>	(5.000.000)	-	(5.000.000)
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017	<u>1.252.329.352</u>	<u>133.930.981</u>	<u>1.386.260.333</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	(24.726.271)	(51.972.681)	(76.698.952)
Tăng trong kỳ	(10.269.091)	(12.361.394)	(22.630.485)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(10.269.091)	(12.361.391)	(22.630.482)
Giảm trong năm	821.622	354.200	1.175.822
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	363.116	354.200	717.316
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	27.193	-	27.193
<i>Phân loại lại</i>	431.313	-	431.313
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017	<u>(34.173.740)</u>	<u>(63.979.875)</u>	<u>(98.153.615)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	<u>1.248.456.373</u>	<u>82.312.500</u>	<u>1.330.768.873</u>
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017	<u>1.218.155.612</u>	<u>69.951.106</u>	<u>1.288.106.718</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Ngân VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Văn phòng cho thuê</i>	<i>Trung tâm thương mại</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	19.597.252	22.072.022	2.409.421.034	1.138.843.022	3.589.933.330
Tăng trong kỳ	-	5.000.000	-	-	5.000.000
<i>Phân loại lại</i>	-	5.000.000	-	-	5.000.000
Giảm trong kỳ	(2.038.848)	-	(152.235.654)	(1.253.128)	(155.527.630)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(2.038.848)	-	(149.584.442)	-	(151.623.290)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	-	-	(2.651.212)	(1.253.128)	(3.904.340)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017	<u>17.558.404</u>	<u>27.072.022</u>	<u>2.257.185.380</u>	<u>1.137.589.894</u>	<u>3.439.405.700</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	(3.033.441)	(739.395)	(31.772.520)	(22.516.125)	(58.061.481)
Tăng trong kỳ	(479.044)	(123.232)	(34.769.428)	(16.434.205)	(51.805.909)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(479.044)	(123.232)	(34.769.428)	(16.434.205)	(51.805.909)
Giảm trong kỳ	596.496	(431.313)	4.479.255	24.776	4.669.214
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	596.496	-	4.444.298	-	5.040.794
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	-	-	34.961	24.776	59.737
<i>Phân loại lại</i>	-	(431.313)	-	-	(431.317)
Ngày 30 tháng 09 năm 2017	<u>(2.915.989)</u>	<u>(1.293.940)</u>	<u>(62.062.693)</u>	<u>(38.925.554)</u>	<u>(105.198.176)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	<u>16.563.811</u>	<u>21.332.627</u>	<u>2.377.648.514</u>	<u>1.116.326.897</u>	<u>3.531.871.849</u>
Ngày 30 tháng 09 năm 2017	<u>14.642.415</u>	<u>25.778.082</u>	<u>2.195.122.687</u>	<u>1.098.664.340</u>	<u>3.334.207.524</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Chi phí phát triển vườn cây cao su	8.305.181.516	9.412.151.145
Nhà máy thủy điện	3.460.612.557	3.435.534.450
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.150.160.678	3.243.680.311
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	2.021.181.949	638.772.312
Nhà xưởng và nhà văn phòng nông trường	557.547.717	694.595.616
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	419.347.507	307.993.752
Vườn cây hồ tiêu	126.419.043	119.602.634
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	48.802.982	39.910.578
Dự án bò	37.762.329	4.726.452
Các công trình khác	53.931.992	96.771.577
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.180.948.270</b>	<b>17.993.738.827</b>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1. Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Bất động sản</b>				
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	04/06/2007	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	21/02/2013	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	2009 (i)	32,38
<b>Thủy điện</b>				
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/06/2007	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Viễn chấn, Lào	Trước hoạt động	18/07/2011	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kống 3	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	31/05/2013	99,40
<b>Nông nghiệp</b>				
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/05/2010	66,96
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/02/2013	66,96

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**14.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau (tiếp theo):

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Nông nghiệp (tiếp theo)</b>				
(9) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	65,47
(10) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	65,47
(11) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	66,64
(12) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/05/2008	66,96
(13) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/02/2011	65,47
(14) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/07/2010	66,96
(15) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/01/2010	66,96
(16) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	66,96
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	66,96
(18) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/04/2015	66,29
(19) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	47,84
(20) Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/10/2015	47,84
(21) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	66,76
(22) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	14/10/2015	66,76
(23) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/02/2016	66,96
(24) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/02/2016	66,96
(25) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/02/2016	66,96
(26) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/02/2016	66,96
(27) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/02/2016	66,96
(28) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	09/12/2016	66,90





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**14.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
<b><i>Khai khoáng</i></b>				
(29) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	08/12/2007	99,40
(30) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	09/02/2010	99,40
(31) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	15/10/2009	99,40
<b><i>Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i></b>				
(32) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/01/2009	69,85
(33) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	07/05/2008	99,00
(34) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	06/01/2009	80,00
(35) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	27/03/2009	100,00
(36) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	06/05/2010	100,00
(37) Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	14/03/2017	51,00

(i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.

Tình trạng trước hoạt động là công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 09 năm 2017.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2. Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 09 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi	23,46	593.317.899	23,46	599.017.484
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	270.537.817	49,14	259.139.025
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>871.465.237</b>		<b>865.766.030</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào các công ty khác	6.200.000	6.200.000
Các khoản đầu tư khác	4.307.903	5.901.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.507.903</b>	<b>12.101.903</b>

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Công cụ, dụng cụ	371.978.705	378.705.164
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	299.945.810	181.146.502
Chi phí khai hoang	196.730.249	109.762.962
Tiền thuê đất	77.987.534	73.795.185
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	48.353.650	57.955.720
Chi phí thuê văn phòng	24.611.293	25.358.651
Chi phí phát triển vườn mía	-	551.664.813
Chi phí trả trước dài hạn khác	43.712.261	43.902.008
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.063.319.502</b>	<b>1.422.291.005</b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	702.573.122	509.399.199
Phải trả nhà thầu xây dựng	412.224.974	446.817.869
Phải trả tiền mua quyền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	-	451.447.328
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	50.000	5.256.463
Các khoản khác	109.243	7.749.101
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.114.957.339</b>	<b>1.420.669.960</b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 308.977.595 ngàn VND tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Khách hàng ứng trước mua dự án thủy điện	1.928.146.609	1.937.491.633
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	792.147.483	519.716.566
Khách hàng thương mại trả tiền trước	684.561.967	958.374.465
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	185.615.615	193.716.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.590.471.674</b>	<b>3.609.299.208</b>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 230.431.473 ngàn VND tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	100.361.872	64.559.662
Thuế giá trị gia tăng	10.450.417	101.633.401
Thuế thu nhập cá nhân	9.529.670	13.038.425
Các khoản khác	35.756.566	16.419.935
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156.098.525</b>	<b>195.651.423</b>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Chi phí lãi vay	1.131.143.279	730.609.649
Chi phí hoạt động	197.348.493	63.344.318
Chi phí phát hành trái phiếu	23.809.979	54.980.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.352.301.751</b>	<b>848.933.967</b>
Trong đó:		
Ngắn hạn	434.020.453	844.711.426
Dài hạn	918.281.298	4.222.541



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả các công ty khác	1.671.093.730	631.779.529
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.154.550.000	-
Phải trả tiền lãi vay	105.594.982	264.674.840
Phải các cá nhân khác	84.323.364	134.750.145
Phí bảo trì căn hộ	12.673.215	24.952.942
Phải trả tiền thuê đất	8.990.440	29.593.804
Các khoản khác	193.354.832	181.529.381
	<b>3.230.580.563</b>	<b>1.267.280.641</b>
<b>Dài hạn</b>		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	550.000.000	550.000.000
Phải trả lãi vay	308.982.799	-
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	236.157.731	225.056.393
Tiền thuê đất phải trả	169.096.205	202.945.354
Phải trả dài hạn các công ty	82.660.587	-
Các khoản khác	-	1.250.555
	<b>1.346.897.322</b>	<b>979.252.302</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.577.477.885</b>	<b>2.246.532.943</b>

Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan là 290.797.850 ngàn VND và các khoản phải trả dài hạn các bên liên quan là 572.147.125 ngàn VND tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

**22. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh 22.4)	-	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 22.1)	680.737.084	1.108.676.967
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh 22.3)	644.061.737	668.722.531
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	468.698.747	1.948.199.649
Trong đó:		
Trái phiếu hoán đổi (Thuyết minh 22.5)	-	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh 22.2)	468.698.747	818.199.649
Vay dài hạn đến hạn trả các cá nhân, công ty	298.000.000	-
Vay ngắn hạn khác	704.262.065	891.696.986
	<b>2.795.759.633</b>	<b>5.717.296.133</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh 22.2)	11.019.815.739	11.510.416.174
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 22.3)	9.324.716.225	9.795.943.139
Vay dài hạn khác	19.930.789	313.086.954
	<b>20.364.462.753</b>	<b>21.619.446.267</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.160.222.386</b>	<b>27.336.742.400</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	299.568.711	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	181.489.334	541.434.117
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	118.141.339	349.778.076
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	81.537.700	-
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Campuchia	-	24.157.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Đồng Nai	-	193.307.774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>680.737.084</u></b>	<b><u>1.108.676.967</u></b>

22.2 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền	Ngàn VND
			Ngày đáo hạn
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	5.876.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2026
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital	Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.694.000.000	Từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.174.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	930.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	883.660.847	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	594.000.000	Từ ngày 27 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và VPB	Ngày 27 tháng 12 năm 2016	431.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2020
Chi phí phát hành trái phiếu		<b><u>(94.146.360)</u></b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>11.488.514.486</u></b>	
Trong đó:			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		468.698.747	
Vay dài hạn		11.019.815.739	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn ngân hàng

Tên ngân hàng	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.985.095.618	3.774.468.711
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	1.991.576.514	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	1.412.509.533	1.341.912.616
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu	1.395.752.999	1.391.677.221
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong	1.154.662.893	2.962.524.517
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.029.180.405	994.082.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.968.777.962</b>	<b>10.464.665.670</b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	9.324.716.225	9.795.943.139
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	644.061.737	668.722.531

22.4 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 11 tháng 5 năm 2017, Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), trái chủ của trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND này, đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu này sang Công ty TNHH Blue Hope tương ứng 1.100.000 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, Hội đồng quản trị của Tập đoàn phê duyệt việc phát hành thêm 137.500.000 cổ phiếu HAG để chuẩn bị cho phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu bằng hình thức phát hành riêng lẻ.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty TNHH Blue Hope đã tiến hành chuyển nhượng tất cả trái phiếu chuyển đổi này lại cho 6 cá nhân khác.

Đến ngày 6 tháng 6 năm 2017, 6 cá nhân này đã thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu này thành cổ phiếu HAG với tỷ lệ 1 trái phiếu: 125 cổ phiếu HAG, tại mức giá chuyển đổi là 8.000 VNĐ/cổ phiếu, tương đương 137.500.000 cổ phiếu đã được phát hành mới. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2205/17/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 22 tháng 5 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0506/17/NQHĐQT-HAGL ngày 5 tháng 6 năm 2017 và các thông báo chuyển đổi có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.5 Trái phiếu hoán đổi

Chi tiết trái phiếu hoán đổi như sau:

Trái chủ	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Lãi suất	Ngày đáo hạn
	Ngàn VND	Ngàn VND		
Công ty TNHH Glory Red Star (i)	-	697.000.000	Lãi suất = 5%/năm x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái)	Ngày 14 tháng 7 năm 2017
Công ty Cổ phần Quản lý Quý Sài Gòn (ii)	-	433.000.000	"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi	
<b>Tổng cộng</b>		<b>- 1.130.000.000</b>		

- (i) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2017 và ngày 20 tháng 6 năm 2017 theo các yêu cầu của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (Sài Gòn Capital), tổ chức nắm giữ các trái phiếu hoán đổi với tổng giá trị 433 tỷ VND này, Tập đoàn đã hoàn thành việc hoán đổi bằng 43.330.000 cổ phiếu HNG.
- (ii) Ngày 29 tháng 6 năm 2017, công ty Northbooks Investment Mauritius Pte Ltd, chủ sở hữu trái phiếu hoán đổi có tổng mệnh giá 697 tỷ VND (tương ứng với 697.000 trái phiếu) của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), đã thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu hoán đổi này cho Công ty TNHH Glory Red Star.

Tiếp theo, vào ngày 14 tháng 7 năm 2017, Công ty TNHH Glory Red Star đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu hoán đổi này lại cho các cá nhân bao gồm Ông Nguyễn Thanh Quang, Ông Nguyễn Mạnh Hùng và Bà Vũ Thị Thúy Hương với số lượng trái phiếu chuyển nhượng lần lượt là 232.335, 232.330 và 232.335 trái phiếu theo các thỏa thuận chuyển nhượng trái phiếu ký kết có liên quan.

Sau đó vào 14 tháng 7 năm 2017 năm 2017, các bên bao gồm HAG, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") và các cá nhân trái chủ trên đã tiến hành thực hiện thỏa thuận hoán đổi nghĩa vụ nợ trái phiếu này bằng cách cần trừ khoản nợ vay của HNG tại ngày 14 tháng 7 năm 2017 cùng giá trị 697 tỷ VND với HAG theo các Hợp đồng chuyển nhượng khoản vay và hoán đổi nghĩa vụ trả nợ được ký kết cùng ngày. Theo đó, tại ngày này, nghĩa vụ nợ Trái phiếu hoán đổi đã chuyển sang cho HNG, tương ứng với HNG cũng giảm nghĩa vụ nợ vay phải trả đối với HAG.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Ngàn VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>9 tháng năm 2016</b>							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(896.021.647)	(896.021.647)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(287.433.030)	-	-	(287.433.030)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	480.933.387	480.933.387
<b>Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2016</b>	<b>7.899.679.470</b>	<b>3.539.078.784</b>	<b>(686.640)</b>	<b>267.644.223</b>	<b>279.895.303</b>	<b>1.608.814.989</b>	<b>13.594.426.129</b>
<b>9 tháng năm 2017</b>							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017 (Trình bày lại)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	623.942.651	279.895.303	915.758.015	13.257.667.583
Phát hành cổ phiếu	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	-	1.099.780.000
Các giao dịch mua bán cổ phần với cổ đông không kiểm soát làm tăng/giảm sở hữu của công ty mẹ	-	-	-	-	-	(300.242.327)	(300.242.327)
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	781.334.672	781.334.672
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(439.789.806)	-	-	(439.789.806)
<b>Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017</b>	<b>9.274.679.470</b>	<b>3.263.858.784</b>	<b>(686.640)</b>	<b>184.152.845</b>	<b>279.895.303</b>	<b>1.396.850.360</b>	<b>14.398.750.122</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**23.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	789.899.283

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Theo công văn số 1208/17/CV-HAGL, ngày 12 tháng 08 năm 2017, Công ty đã công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành từ 789.899.283 cổ phiếu thành 927.399.283 cổ phiếu thông qua nghiệp vụ hoán đổi 137.500.000 trái phiếu sang cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Hoàng Anh Gia Lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Ngàn VND			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>1.521.723.529</b>	<b>1.254.107.155</b>	<b>3.998.263.702</b>	<b>4.912.649.072</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu từ dịch vụ cho thuê</i>	469.928.235	184.615.471	797.682.413	317.189.846
<i>Doanh thu trái cây</i>	451.873.793	-	1.257.880.519	-
<i>Doanh thu bán bò</i>	211.112.832	767.743.906	659.253.521	2.632.116.719
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	189.350.643	35.534.746	401.849.630	51.290.936
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khác</i>	117.058.425	53.591.979	455.163.360	271.769.359
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	69.353.080	100.027.004	320.369.208	359.405.925
<i>Doanh thu căn hộ</i>	13.046.521	19.897.137	25.300.809	198.456.159
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	-	92.696.912	80.764.242	462.541.560
<i>Doanh thu bán bắp</i>	-	-	-	136.400.968
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	-	483.477.600
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>(11.855)</b>	<b>(387.084)</b>	<b>(11.855)</b>	<b>(1.283.978)</b>
<i>Hàng bán trả lại</i>	(11.855)	-	(11.855)	-
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(387.084)	-	(1.283.978)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.521.711.674</b>	<b>1.253.720.071</b>	<b>3.998.251.847</b>	<b>4.911.365.094</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu từ dịch vụ cho thuê</i>	469.928.235	184.615.471	797.682.413	317.189.846
<i>Doanh thu trái cây</i>	451.873.655	-	1.257.880.381	-
<i>Doanh thu bán bò</i>	211.101.115	768.640.800	659.241.804	2.632.116.719
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	189.350.643	35.534.746	401.849.630	51.290.936
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khác</i>	117.058.425	53.591.979	455.163.360	271.769.359
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	69.353.080	98.743.026	320.369.208	358.121.947
<i>Doanh thu căn hộ</i>	13.046.521	19.897.137	25.300.809	198.456.159
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	-	92.696.912	80.764.242	462.541.560
<i>Doanh thu bán bắp</i>	-	-	-	136.400.968
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	-	483.477.600



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

24. DOANH THU (Tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VND			
Lãi cho vay các công ty khác	227.408.067	237.603.276	586.835.978	725.385.058
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	65.089.792	-	65.827.834	71.268.510
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.004.302	2.695.657	3.955.148	11.641.738
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	-	952.226.006	112.725
Cổ tức	-	-	224.964	2.595.451
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>294.502.161</b>	<b>240.298.933</b>	<b>1.609.069.930</b>	<b>811.003.482</b>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VND			
Giá vốn dịch vụ cho thuê	347.271.983	77.290.944	484.841.305	157.223.809
Giá vốn trái cây	255.067.942	-	640.410.622	-
Giá vốn bán bò	155.104.181	682.322.425	508.668.294	2.335.523.013
Giá vốn bán mũ cao su	166.183.463	62.922.149	333.709.697	86.979.341
Giá vốn dịch vụ cung cấp khác	102.096.212	61.655.097	371.698.921	271.327.782
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	67.241.283	97.885.871	257.547.014	336.975.268
Giá vốn căn hộ	12.167.725	17.502.667	23.356.599	176.208.132
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	-	68.503.397	113.701.791	322.368.676
Giá vốn bán bắp	-	-	-	67.063.060
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	-	-	393.412.104
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.105.132.789</b>	<b>1.068.082.550</b>	<b>2.733.934.243</b>	<b>4.147.081.185</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III		Ngân VND	
			Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	325.774.254	377.543.211	1.064.740.945	1.175.020.595
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.580.287	26.706.860	36.700.465	116.018.412
Các khoản khác	-	909.072	9.335.172	2.528.926
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>331.354.541</b>	<b>405.159.143</b>	<b>1.110.776.582</b>	<b>1.293.567.933</b>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III		Ngân VND	
			Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>32.694.527</b>	<b>35.712.941</b>	<b>95.744.708</b>	<b>126.578.504</b>
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	18.966.810	27.457.948	60.402.619	115.379.317
Chi phí lương nhân viên	6.918.939	3.490.663	17.958.311	4.365.263
Chi phí khấu hao và hao mòn	496.545	39.148	1.384.639	742.848
Chi phí khác	6.312.233	4.725.182	15.999.139	6.091.076
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>175.506.568</b>	<b>91.989.088</b>	<b>491.931.106</b>	<b>457.971.559</b>
Chi phí lương nhân viên	40.663.754	34.740.750	120.349.411	129.187.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.564.199	26.458.117	41.981.221	91.533.627
Chi phí khấu hao và hao mòn	9.613.388	9.185.359	26.251.184	29.702.376
Chi phí dự phòng	-	-	-	118.934.939
Chi phí khác	113.665.227	21.604.862	303.349.290	88.613.224
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>208.201.095</b>	<b>127.702.029</b>	<b>587.675.814</b>	<b>584.550.063</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>125.750.906</b>	<b>52.927.424</b>	<b>214.271.373</b>	<b>59.053.254</b>
Lãi thanh lý tài sản	3.974.794	49.640.153	84.951.748	49.640.153
Các khoản khác	121.776.112	3.287.271	129.319.625	9.413.101
<b>Chi phí khác</b>	<b>132.427.645</b>	<b>11.833.905</b>	<b>202.815.873</b>	<b>929.810.632</b>
Chi phí vườn cây chuyển đổi sang vườn cây ăn trái	109.868.686	-	150.509.864	-
Khấu hao tài sản cố định ngừng sử dụng	4.987.839	3.333.302	10.897.370	5.257.594
Các khoản phạt	3.243.782	-	14.713.170	9.013.829
Lỗ thanh lý tài sản	-	-	-	383.669.103
Lỗ đánh giá các tài sản không hiệu quả	-	-	-	502.402.105
Các khoản khác	14.327.338	8.500.603	26.695.469	29.468.001
<b>LÃI (LỖ) KHÁC</b>	<b>(6.676.739)</b>	<b>41.093.519</b>	<b>11.455.500</b>	<b>(870.757.378)</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của các công ty thuộc Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>9 tháng năm 2017</i>	<i>9 tháng năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.952.796	26.726.403
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(24.714.809)</u>	<u>53.559.439</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.237.987</u></b>	<b><u>80.285.842</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Thuế TNDN hiện hành**

	Ngàn VND	
	9 tháng năm 2017	9 tháng năm 2016
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>1.192.089.845</b>	<b>(1.187.962.445)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	240.841.376	1.345.702.297
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	239.698.530	41.649.107
Biến động lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	11.395.366	67.969.551
Chi phí trích trước chưa được khấu trừ	10.532.733	-
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	8.951.976	3.606.261
Lỗ (lãi) trong công ty liên kết	(5.699.207)	14.374.462
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(53.835.428)	45.677.676
Các khoản khác	8.303.004	46.542.473
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Chi phí lãi vay được khấu trừ ở các công ty nhưng được vốn hóa khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	93.487.646	(84.575.726)
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu công ty con nhưng được tính vào chi phí tại Công ty	-	(37.897.579)
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ trong năm này	-	(971.024)
Thu nhập cổ tức	(224.964)	(112.725)
Dự phòng các khoản đầu tư	(25.784.411)	(101.637.316)
Lợi nhuận của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(342.792.162)	(64.970.140)
Lãi từ việc thanh lý công ty con	(868.166.920)	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>508.797.384</b>	<b>87.394.872</b>
Lỗ các năm trước chuyển sang	(223.214.796)	(17.895.166)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>285.582.588</b>	<b>69.499.706</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>38.360.591</b>	<b>11.035.355</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành ước tính của hoạt động bất động sản</b>	<b>1.592.205</b>	<b>11.222.793</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	-	4.468.255
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>39.952.796</b>	<b>26.726.403</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	64.559.662	67.994.260
Thuế TNDN phải trả của các công ty con mới mua trong kỳ	-	10.557.894
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo	-	60.844
Thuế TNDN được hoàn	(600.295)	(21.597.789)
Điều chỉnh khác	(1.014.761)	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.535.530)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>100.361.872</b>	<b>83.741.612</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Ngàn VND</i>
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>			
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	92.703.267	91.119.227	(1.584.040)
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>			
Chi phí lãi vay vốn hoá ở khía cạnh hợp nhất	209.678.091	248.544.686	(38.866.595)
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết, công ty con	24.735.170	38.660.191	(13.925.021)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.767.086	-	10.767.086
Chênh lệch thuế hoãn lại do thanh lý mía đường	-	88.230.225	18.893.761
	<b>245.180.347</b>	<b>375.435.102</b>	<b>(24.714.809)</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>(24.714.809)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	193.835.867 267.735
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	190.994.864 90.900.015 147.305.241
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa	85.108.576 8.815.512
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	27.118.990
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	24.017.603
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Bán hàng hóa, dịch vụ	11.358.437 361.522
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay -Cung cấp dịch vụ	13.802.104 27.484
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	11.893.703 170.223
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	11.483.333
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	9.595.547
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	9.062.236
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	8.353.345 105.499
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.344.138
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	6.387.092
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	3.913.477 5.154.077
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.982.690
Công ty cổ phần Thực phẩm Heygo	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	107.664



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

## 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	121.021.299
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.013.213
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.004.258
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.719.328
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.079.403
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>169.837.501</u></b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hoá và dịch vụ	429.355.119
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên quan	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	15.056.000
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	13.016.410
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	272.900
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>457.700.429</u></b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	527.638.255
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho vay	162.424.973
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho vay	130.453.041
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cho vay	123.299.907
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	61.628.333
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý BĐS Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.005.944.509</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**30. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay	3.664.673.543
Công ty CP Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	1.923.400.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	710.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cho vay	381.703.227
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	358.488.317
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	214.552.308
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	136.261.796
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	118.990.409
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho vay	113.666.125
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Cho vay	105.110.065
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	75.481.435
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cho vay	75.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>7.877.327.225</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	157.007.722
		Chi phí trả hộ	2.619.183
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Nhờ thu hộ	32.102.167
		Khác	25.191.508
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	19.509.811
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.904.443
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	2.914.374
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	1.470.785
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	630.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>257.974.052</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**30. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VND Số dư</i>
<b><i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Hợp đồng hợp tác kinh doanh Lãi cho vay	125.750.981 286.064.374
Công ty CP Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	153.454.129
Đoàn Nguyễn Đức	Bên liên quan	Lãi cho vay	31.013.630
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	27.580.479
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.293.083
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	20.042.732
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	11.791.056
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	10.708.701
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.011.431
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>691.710.596</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i></b>			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	172.310.083
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thầu xây dựng Mua hàng hóa và dịch vụ	86.202.456 2.984.813
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	37.763.481
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.328.145
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	388.617
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>308.977.595</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước hợp đồng xây dựng	185.615.615 12.104.629
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên kết	Khách hàng thương mại trả tiền trước	32.666.765
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	44.464
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>230.431.473</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho mượn tạm Lãi vay	251.960.890 27.714.000
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi vay	5.665.394
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi vay Cổ tức	2.654.276 2.034.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	769.290
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>290.797.850</u></b>
<b><i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 21)</i></b>			
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	550.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho mượn	22.147.125
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>572.147.125</u></b>



**31. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn, hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016 và đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trong kỳ, các hồ sơ pháp lý liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng 100% sở hữu của Tập đoàn tại Nhóm công ty Mía đường cho bên thứ ba đã hoàn tất vào ngày 22 tháng 5 năm 2017. Theo đó, Ban Giám đốc Tập đoàn đã xem xét lại và kết luận rằng Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát Nhóm công ty Mía đường kể từ ngày này và đã quyết định điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 các ảnh hưởng của nghiệp vụ này do việc hợp nhất lại báo cáo tài chính của Nhóm công ty Mía đường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào báo cáo tài chính cùng kỳ của Tập đoàn.

Sau thời điểm nhận bàn giao các chức vụ quản lý cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan từ ngày 31 tháng 8 năm 2016, Ban Giám đốc của Nhóm công ty Mía đường đã tiến hành đánh giá tài sản để phù hợp với cách thức sản xuất kinh doanh mới. Theo đó, một số tài sản đã được ghi giảm giá trị hoặc xóa sổ theo quy định.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này như sau:

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh và phân loại lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>			
<b>A Tài sản ngắn hạn</b>	<b>9.394.220.363</b>	<b>(224.530.590)</b>	<b>9.169.689.773</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>791.208.293</b>	<b>3.117.882</b>	<b>794.326.175</b>
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6.768.206.227</b>	<b>(56.852.541)</b>	<b>6.711.353.686</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.772.653.862	(1.180.432)	1.771.473.430
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.316.838.516	(8.510.142)	1.308.328.374
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.034.357.256	(16.528.881)	2.017.828.375
Phải thu ngắn hạn khác	1.672.681.113	(29.834.784)	1.642.846.329
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.324.520)	(798.302)	(29.122.822)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>1.789.466.577</b>	<b>(176.355.025)</b>	<b>1.613.111.552</b>
Hàng tồn kho	1.822.154.682	(23.918.187)	1.798.236.495
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(152.436.838)	(185.124.943)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2017

**31. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)		Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
	Ngân VND			
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)</b>				
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>45.339.266</b>	<b>5.559.094</b>		<b>50.898.360</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.961.305	5.041.183		13.002.488
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	26.318.790	517.911		26.836.701
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>43.369.249.238</b>	<b>(255.805.415)</b>		<b>43.113.443.823</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn khác</b>	<b>6.350.659.266</b>	<b>32.971.989</b>		<b>6.383.631.255</b>
Phải thu dài hạn khác	633.288.523	32.971.989		666.260.512
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>10.017.094.697</b>	<b>(245.099.570)</b>		<b>9.771.995.127</b>
Tài sản cố định hữu hình	8.664.993.197	(223.766.943)		8.441.226.254
- Nguyên giá	10.076.814.951	(193.374.161)		9.883.440.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.411.821.754)	(30.392.782)		(1.442.214.536)
Tài sản cố định vô hình	1.352.101.500	(21.332.627)		1.330.768.873
- Nguyên giá	1.429.539.847	(22.072.022)		1.407.467.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	(77.438.347)	739.395		(76.698.952)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>3.510.539.222</b>	<b>21.332.627</b>		<b>3.531.871.849</b>
- Nguyên giá	3.567.861.308	22.072.022		3.589.933.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	(57.322.086)	(739.395)		(58.061.481)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>17.983.864.412</b>	<b>9.874.415</b>		<b>17.993.738.827</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.983.864.412	9.874.415		17.993.738.827
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>4.629.203.708</b>	<b>(74.884.876)</b>		<b>4.554.318.832</b>
Chi phí trả trước dài hạn	1.497.175.881	(74.884.876)		1.422.291.005
<b>Tổng tài sản</b>	<b>52.763.469.601</b>	<b>(480.336.005)</b>		<b>52.283.133.596</b>
<b>A Nợ phải trả</b>	<b>36.113.695.179</b>	<b>286.846.646</b>		<b>36.400.541.825</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>12.726.074.032</b>	<b>412.415.695</b>		<b>13.138.489.727</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	1.319.409.776	101.260.184		1.420.669.960
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.546.000.509	63.298.699		3.609.299.208
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	195.748.396	(96.973)		195.651.423
Phải trả người lao động	74.235.298	(1.640.195)		72.595.103
Chi phí phải trả ngắn hạn	846.456.575	(1.745.149)		844.711.426
Phải trả ngắn hạn khác	1.535.617.649	(268.337.008)		1.267.280.641
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.197.619.996	519.676.137		5.717.296.133
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>23.387.621.147</b>	<b>(125.569.049)</b>		<b>23.262.052.098</b>
Phải trả dài hạn khác	1.374.575.760	(395.323.458)		979.252.302
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.444.223.544	175.222.723		21.619.446.267
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	287.204.877	88.230.225		375.435.102
Dự phòng phải trả dài hạn	277.394.425	6.301.461		283.695.886
<b>B Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.649.774.422</b>	<b>(767.182.651)</b>		<b>15.882.591.771</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.649.774.422</b>	<b>(767.182.651)</b>		<b>15.882.591.771</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	650.139.359	(26.196.708)		623.942.651
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.391.155.127	(475.397.112)		915.758.015
- Lỗ lũy kế của năm nay	(1.136.650.486)	(475.397.112)		(1.612.047.598)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.890.513.019	(265.588.831)		2.624.924.188





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2017

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.




Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Ngày 28 tháng 10 năm 2017



Dương Hoàng Bắc  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

